

Số: 465/QĐ-CĐCNH

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành quy định mức thu học phí và miễn, giảm học phí
năm học 2024-2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HUẾ

Căn cứ Quyết định số 7359/QĐ-BCT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư 05/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/06/2023 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội ban hành danh mục ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trường phòng Đào tạo - Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về mức thu học phí và miễn, giảm học phí năm học 2024-2025 của Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ năm học 2024-2025. Những quy định trước đây trái với Quy định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các đơn vị thuộc Trường, học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HCTH(LTNY).



Phạm Văn Quân

QUY ĐỊNH

Về mức thu học phí và miễn, giảm học phí năm học 2024-2025
(kèm theo Quyết định số 46/QĐ-CĐCNH ngày 26 tháng 08 năm 2024 của Trường CĐCN Huế)

Điều 1. Nguyên tắc xác định mức thu học phí

1. Mức thu học phí đối với học sinh, sinh viên chính quy đối với các ngành đào tạo của Trường CĐCN Huế (Trường) không vượt quá mức trần học phí theo quy định Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

2. Đối với những ngành đào tạo theo học chế tín chỉ, số tiền học phí thu theo tín chỉ không vượt quá tổng mức học phí thu theo năm học của cả khóa học.

Điều 2. Quy định mức thu học phí áp dụng cho học sinh, sinh viên toàn Trường áp dụng cho năm học 2024-2025

Stt	Bậc, ngành học, môn học	Đơn vị tính	Học phí (đồng)	Ghi chú
1	Cao đẳng			Học phí tính theo số tín chỉ đăng ký
	Môn học chung	Tín chỉ	345.000	
	Môn ngành Kinh tế - Ngoại ngữ - Du lịch	Tín chỉ	345.000	
	Môn ngành Kỹ thuật	Tín chỉ	450.000	
2	Trung cấp tốt nghiệp THPT			Học phí tính theo số tín chỉ đăng ký
	Môn học chung	Tín chỉ	345.000	
	Môn ngành Kinh tế- Ngoại ngữ- Du lịch	Tín chỉ	345.000	
	Môn ngành Khỏi Kỹ thuật	Tín chỉ	450.000	
3	Trung cấp tốt nghiệp THCS			Miễn học phí
	- Kinh tế, Ngoại ngữ, Du lịch, môi trường	Tháng	1.100.000	
	- Kỹ thuật	Tháng	1.450.000	
	- Sản xuất chế biến, xây dựng	Tháng	1.450.000	

Đối với các lớp đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp cho đối tượng là người lao động tại doanh nghiệp, căn cứ số lượng người học và số tín chỉ bố trí trong mỗi học kỳ, Nhà trường thỏa thuận với doanh nghiệp/người học trước khi mở lớp, thông báo mức học phí cụ thể và không vượt quá định mức học phí tính theo năm học quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP

Trường hợp học sinh hệ Trung cấp tốt nghiệp THCS học lại, học cải thiện điểm thi mức thu học phí được áp dụng theo mức thu của hệ Trung cấp tốt nghiệp THPT.

Điều 3. Tổ chức thu học phí

1. Học phí được thu theo từng học kỳ, nếu sinh viên tự nguyện, Trường có thể thu một lần cho cả năm học. Đối với hệ đào tạo theo tín chỉ, căn cứ vào mức thu học phí của một tín chỉ và số tín chỉ mà sinh viên đã đăng ký học để tính số tiền phải thu trong học kỳ đó.

2. Thời hạn và phương thức nộp học phí cụ thể do phòng Hành chính - Tổng hợp phối hợp cùng phòng Đào tạo - Công tác sinh viên thông báo.

Điều 4. Đối tượng được miễn, giảm học phí

1. Đối tượng được miễn học phí

a) Các đối tượng quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng nếu đang học tại các cơ sở giáo dục quốc dân. Cụ thể:

Theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14, đối tượng hưởng chế độ ưu đãi gồm: Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng.

- Người có công với cách mạng bao gồm: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Liệt sĩ; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993; người hưởng chính sách như thương binh; Bệnh binh; Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học; Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày; Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế; Người có công giúp đỡ cách mạng.

- Thân nhân của người có công với cách mạng bao gồm: Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi liệt sĩ.

b) Học sinh, sinh viên khuyết tật.

c) Học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

d) Học sinh, sinh viên học là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

e) Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Cụ thể:

- Người dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: Công, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bó Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thên, La Hù.

- Vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được xác định theo các văn bản quy định tại phụ lục I kèm theo hướng dẫn này.

f) Học sinh tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ trung cấp (chưa được hưởng chế độ này ở các ngành/trường khác).

2. Đối tượng giảm 70% học phí.

- Học sinh, sinh viên khóa tuyển sinh năm 2023, 2024 học các ngành nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục các nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định. Các ngành nghề cụ thể:

- + Công nghệ kỹ thuật xây dựng (trình độ cao đẳng);
- + Công nghệ kỹ thuật cơ khí (trình độ cao đẳng và trung cấp);
- + Công nghệ kỹ thuật ô tô (trình độ cao đẳng và trung cấp);
- + Công nghệ ô tô (trình độ cao đẳng và trung cấp);
- + Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (trình độ cao đẳng);
- + Cắt gọt kim loại (trình độ cao đẳng);
- + Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí (trình độ cao đẳng và trung cấp);
- + Điện công nghiệp (trình độ cao đẳng và trung cấp);
- + May thời trang (trình độ trung cấp).

- Sinh viên học các ngành Hàn; Kỹ thuật thoát nước và xử lý nước thải; Công nghệ kỹ thuật Hóa học (tất cả các khóa).

- Học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Cụ thể:

- + Người dân tộc thiểu số (không phải là: La Hù, La Ha, Pà Thèn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pu Páo, Rơ Măm, BRâu, Ô Đu);
- + Vùng có Điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn: được quy định tại phụ lục I kèm theo Quy định này (trừ các vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn).

3. Đối tượng giảm 50% học phí.

Học sinh, sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

Điều 5. Cơ chế miễn, giảm học phí

1. Việc miễn, giảm học phí sẽ được thực hiện trong suốt thời gian học tập tại Trường, trừ trường hợp có những thay đổi về lý do miễn hoặc giảm học phí.

2. Nhà nước thực hiện cấp trực tiếp tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí cho các đối tượng được miễn, giảm học phí ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập để các đối tượng này đóng học phí đầy đủ cho Trường.

3. Trình tự, thủ tục và hồ sơ:

Tất cả học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí đều phải qua khâu kiểm tra đối tượng chính sách tại phòng Đào tạo - Công tác sinh viên; Những đối tượng chính sách hộ nghèo, cận nghèo phải làm hồ sơ cho từng



Điều 6. Tổ chức thực hiện miễn giảm học phí

Thủ tục miễn giảm học phí thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Phòng Đào tạo - Công tác sinh viên chịu trách nhiệm hướng dẫn cho học sinh, sinh viên thực hiện.

1. Các đối tượng thuộc diện được miễn, giảm học phí theo quy định tại Quy định này mà cùng một lúc được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì chỉ được hưởng một chế độ ưu đãi cao nhất.

2. Học sinh, sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí mà cùng một lúc học ở nhiều trường thì chỉ được hưởng chế độ ưu đãi về miễn, giảm học phí tại một trường duy nhất.

3. Không áp dụng chế độ ưu đãi về miễn, giảm học phí đối với học sinh, sinh viên thuộc diện được miễn, giảm trong trường hợp đã hưởng chế độ này tại một cơ sở đào tạo, nay tiếp tục học thêm ở một cơ sở đào tạo khác cùng cấp và cùng trình độ đào tạo.



Phạm Văn Quân